

Bản án số: 45/2020/HS-PT.

Ngày: 22-6-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vũ

*Các Thẩm phán:*

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***  
Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 22-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 20/2020/TLPT-HS ngày 11-5-2020 đối với bị cáo DBĐ do có kháng cáo của bị cáo DBĐ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 06-4-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị cáo có kháng cáo:*** DBĐ; Sinh năm: 1996; Nơi sinh: Thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm M, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn H và bà Trần Thị Diệu E; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28-10-2019 cho đến nay. (có mặt)

***- Người đại diện hợp pháp của bị hại có liên quan đến kháng cáo:*** Bà TAN; Sinh năm: 1956; Nơi cư trú: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; là mẹ ruột của bị hại NHX. (có mặt)

***- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:*** Người làm chứng NLC.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03-7-2019, bị cáo DBĐ điều khiển xe mô tô đi trên tuyến đường Quản lộ Phụng Hiệp, khi đến cầu B thuộc Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì gặp NHX đang đi bộ trên cầu. DBĐ dừng xe lại yêu cầu NHX lên xe đi cùng, thì NHX đồng ý, khi chạy xe đến tại khu vực chợ N thuộc Khóm M, Phường M, thị xã N, DBĐ hỏi NHX “Chiếc điện thoại của Đ cầm đâu rồi?”, NHX trả lời “Không biết”, khi đó DBĐ thấy NHX đang cầm điện thoại di động hiệu OPPO thì DBĐ nghĩ đây là điện thoại của Đ nên giật lấy và bỏ vào túi quần. Lúc này, NHX yêu cầu DBĐ trả lại chiếc điện thoại di động, DBĐ không trả mà dùng cây gậy ba khúc bằng kim loại dài 50cm (mang theo sẵn) đánh vào người của NHX liên tiếp nhiều cái trúng vào vai, tay, chân gây thương tích cho bị hại NHX. Sau đó, DBĐ điều khiển xe mô tô chạy về nhà, trên đường về DBĐ ném bỏ cây gậy 03 khúc ở ven đường và điện thoại kêu NLC đến chở NHX đi về nhà. Sau đó, DBĐ đưa chiếc điện thoại đã lấy của NHX cho Đ nhưng Đ xác định không phải điện thoại của mình nên đã mang trả lại cho NHX. Đối với NHX được gia đình đưa đi Trung tâm Y tế thị xã N điều trị vết thương và xuất viện trong ngày.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 232/TgT-PY ngày 04-11-2019 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận đối với thương tích của NHX như sau: Gãy 1/3 dưới xương trụ trái, cal liền tốt; Gãy 1/3 dưới xương mác phải, cal liền tốt; Sẹo phần mềm, vùng khủy tay trái, kích thước 1cm x 0,2cm, vùng cẳng chân trái, kích thước 01cm x 0,2cm. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 06-4-2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; Điều 50; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo DBĐ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo DBĐ 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-10-2019

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo DBĐ bồi thường cho NHX (do đại diện hợp pháp của bị hại là bà TAN nhận) số tiền 28.362.600 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

\* Đến ngày 16-4-2020, bị cáo DBĐ kháng cáo xin giảm hình phạt.

\* Đến ngày 20-4-2020, bị cáo DBĐ kháng cáo bổ sung xin giảm phần trách nhiệm dân sự.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo DBĐ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm phần trách nhiệm dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo DBĐ lập được Nhà tạm giữ Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xác nhận vào ngày 16-4-2020 và kháng cáo bổ sung được xác nhận vào ngày 20-4-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo DBĐ, về việc xin giảm hình phạt và giảm phần trách nhiệm dân sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo DBĐ như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo DBĐ khai nhận vào lúc chiều tối ngày 03-7-2019 tại khu vực chợ N thuộc Khóm M, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, do bị hại NHX cầm điện thoại của Đ mà không cho chuộc lại (Đ là bạn của DBĐ) nên bị cáo có giật lấy chiếc điện thoại hiệu OPPO do NHX đang cầm trên tay và khi hai bên lời qua tiếng lại thì DBĐ đã dùng cây gậy ba khúc bằng kim loại dài 50cm đánh liên tiếp nhiều cái vào vùng vai, tay, chân của bị hại NHX gây thương tích, theo kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại NHX là 17%. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét bị cáo DBĐ gây thương tích cho bị hại NHX với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 17% nên đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong vụ án này, hung khí mà bị cáo DBĐ dùng để gây thương tích cho bị hại NHX là cây gậy ba khúc bằng kim loại dài 50cm rất cứng chắc nên bị cáo phạm tội phạm tội thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo DBĐ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo DBĐ, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo DBĐ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo DBĐ là bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N để bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có công với cách mạng theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo DBĐ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo DBĐ, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo DBĐ 02 (hai) năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo DBĐ không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Về kháng cáo của bị cáo DBĐ, về việc xin giảm phần trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào tài liệu, chứng từ mà bị hại đã cung cấp đối chiếu với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định thiệt hại của bị hại NHX tổng số tiền là 28.362.600 đồng (làm tròn số), gồm các khoản như sau: Chi phí điều trị thương tích là 62.608 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại là 13.400.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 14.900.000 đồng (10 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng). Việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định thiệt hại của bị hại NHX và buộc bị cáo DBĐ có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại (do bị hại đã chết) tổng số tiền 28.362.000 đồng có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại NHX không đồng ý giảm tiền bồi thường cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo DBĐ, về việc xin giảm phần trách nhiệm dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo DBĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b, điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo DBĐ chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[7] Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo DBĐ, về việc xin giảm hình phạt và xin giảm phần trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo DBĐ 02 (Hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-10-2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 590 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc bị cáo DBĐ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại NHX (do người đại diện hợp pháp của bị hại NHX là bà TAN nhận thay) tổng số tiền là 28.362.600 đồng (Hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b, điểm e khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo DBĐ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT - Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo, đại diện hợp pháp bị hại (04).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- UBND Phường 1, thị xã N (01)
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Lê Thanh Vũ**